

Phụ lục 3. TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2023

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	40,17	
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	18,5	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	5	
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2023	1	1	
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023	4	4	
A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	1	1	
A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0,5	0,5	
A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5	0,5	
A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5	0,5	
A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0,5	0,5	
A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2023	1	1	
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	15	13,5	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4	
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	1	
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	3	
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4	
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	1	
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	3	
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1	
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2	2	cử 01 LD UBND TP tiếp định kỳ cùng CT UBND tỉnh

A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện	1,5	1,5	
A.2.6. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	1,5	0	
A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo TN.	1	1	
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	21,67	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	27	21,67	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	6	6	
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2023)	1	1,67	
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023)	1	1	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2	
<i>B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	3	0	
<i>B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	2	2	
<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1	
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5	
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	

B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	5	2	
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10</i>	1	1	
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....</i>	1	1	
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>	3	0	
B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	0	
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1		
B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước của Thanh tra cấp tỉnh	2		
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	0	
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	0	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3	0	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2	0	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7	0	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	0	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	0	
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	2,5	0	
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN</i>	2,5	0	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5	0	
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2,5	0	
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	2,5	0	
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	2,5	0	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5	0	
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	2,5	0	
<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i>	2,5	0	
<i>C.2.3.3. Hình thức cách chức</i>	2,5	0	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	0	

C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	1	0	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	0	
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	0	
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	0	
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	0	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	0	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	0	
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	0	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	0	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	0	

Ghi chú: Không làm tròn số điểm; lấy 2 số thập phân sau dấu phẩy.